

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2020/LĐ-PT**

Ngày: 17-4-2020

V/v: “*Tranh chấp tiền lương
ngừng việc và bảo hiểm xã hội*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Ông Trần Vĩnh Yên

Ông Lê Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh ĐN,

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh ĐN xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 24/2020/TLPT-LĐ ngày 12/3/2020 về việc: “*Tranh chấp tiền lương ngừng việc và bảo hiểm xã hội*”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 24/2019/LĐ-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐPT-LĐ ngày 09 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thiên Ân**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 73/6, khu phố 6, phường TB, thành phố BH, tỉnh ĐN.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Tấn T**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 14, HMC, phường HB, thành phố BH, tỉnh ĐN. (Văn bản ủy quyền ngày 27/3/2018).

Bị đơn: **Công ty cổ phần HV.**

Địa chỉ: Đường ĐX, Khu phố 8, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Kh – Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 7/2, tổ 24, Khu phố 4, phường **BL**, thành phố BH, tỉnh ĐN. (văn bản ủy quyền ngày 13/6/2018).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bảo hiểm xã hội tỉnh ĐN.**

Địa chỉ: Số 219, **HHG**, Khu phố 4, phường **QT**, thành phố BH, tỉnh ĐN.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Đinh Thị Phương H** – chức vụ: Phó chánh văn phòng. (văn bản ủy quyền ngày 06/4/2020).

Địa chỉ: Số 219, **HHG**, Khu phố 4, phường **QT**, thành phố BH, tỉnh ĐN.

Người kháng cáo: Công ty cổ phần HV – bị đơn.

(Ông T; bà H có đơn xin xét xử vắng mặt; bà A có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Tấn T trình bày:

Bà A được Công ty cổ phần HV (gọi tắt là Công ty) nhận vào làm việc từ tháng 10/1995, Công ty không ký hợp đồng lao động. Đến tháng 02/2000, Công ty ký hợp đồng lao động xác định thời hạn (4 lần), đến tháng 02/2004 Công ty ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn (02 lần) cho đến nay. Thời gian này Công ty trả lương tháng, nhưng bà chỉ ký vào tờ giấy lương Công ty giữ đến nay đã 20 năm, nên bà không nhớ tiền lương lúc đó là bao nhiêu. Công việc là công nhân phân loại chế biến lá thuốc, mức lương hiện nay là 6.120.000đ/tháng.

Từ tháng 7/2016 đến tháng 12/2016 Công ty bố trí cho bà A ngừng việc tổng cộng là 15 ngày.

Từ tháng 01/2017 đến tháng 09/2017 Công ty cho bà A ngừng việc là 29 ngày.

Như vậy trong suốt quá trình làm việc, Công ty đã bố trí cho bà A ngừng việc tổng cộng là 44 ngày và đã trả lương ngừng việc bằng với mức lương tối thiểu vùng theo quy định của từng năm cụ thể: Năm 2016 là 3.500.000đ/tháng, năm 2017 là 3.750.000đ/tháng.

Mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động số 353/HĐLĐ-CPHV ngày 01/6/2016 giữa Công ty và bà A là 6.120.000đ/tháng. Nhận thấy việc Công ty trả tiền lương ngừng việc cho bà A bằng mức lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định mà không thỏa thuận với bà A là không đúng quy định pháp luật lao động. Trong đơn khởi kiện bà A có nộp Quyết định giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Lê D vì ông D cùng làm trong xí nghiệp với bà A, cùng ngừng việc như bà nhưng được Thanh tra sở yêu cầu Công ty trả tiền ngừng việc cho người lao động theo đúng quy định.

Ngày 26/01/2017 sau khi kiểm tra việc đóng Bảo hiểm xã hội (BHXH) tại cơ quan BHXH tỉnh ĐN, đối chiếu với việc Công ty ký hợp đồng lao động với bà A từ tháng 01/2000, bà A mới phát hiện Công ty không đóng BHXH cho bà từ tháng 10/1995 đến hết tháng 01/2000 với tổng số thời gian là 51 tháng, việc này ảnh hưởng đến quyền lợi của bà A.

Việc Công ty trả lương ngừng việc cho bà Ân không đầy đủ và không tham gia BHXH bắt buộc cho bà là trái quy định của pháp luật, nên bà Ân có đơn hòa giải yêu cầu Công ty HV trả tiền lương ngừng việc còn thiếu và đóng bảo hiểm thiếu 51 tháng cho bà Ân. Ngày 02/11/2017 Hòa giải viên tổ chức hòa giải nhưng kết quả hòa giải không thành. Nay bà Ân khởi kiện Công ty HV với các yêu cầu sau:

1/ Trả tiền lương ngừng việc 15 ngày của năm 2016: $(6.120.000\text{đ} - 3.500.000\text{đ}) : 26 \text{ ngày} \times 15 \text{ ngày} = 1.511.000\text{đ}$.

Năm 2017 ngừng việc 29 ngày: $(6.120.000\text{đ} - 3.750.000\text{đ}) : 26 \text{ ngày} \times 29 \text{ ngày} = 2.643.000\text{đ}$.

Tổng cộng tiền lương ngừng việc: 4.154.000đ.

2/ Truy đóng bảo hiểm xã hội bổ sung đầy đủ cho bà từ tháng 10/1995 đến hết tháng 01/2000 là 51 tháng:

$6.120.000\text{đ} \times 22\% \times 51 \text{ tháng} = 68.666.000\text{đ}$. Nếu không đóng thì trả bà bằng tiền.

Tổng cộng số tiền yêu cầu là 72.820.000đ.

*** Bị đơn Công ty cổ phần HV do bà Nguyễn Thị A đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Thiên Ân là công nhân tại Công ty cổ phần HV theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Thời gian ký kết hợp đồng lao động làm việc tại Công ty từ tháng 02/2000.

Từ năm 1995 đến tháng 01/2000 bà Ân có làm công việc theo thời vụ tại Công ty với công việc phân loại nguyên liệu thuốc lá tại phân xưởng chế biến, không có ký kết hợp đồng lao động hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng có việc thì thông báo vào làm, không có việc thì thông báo nghỉ nhưng có báo cho người lao động biết trước 03 ngày. Công việc chính trong thời gian này là phân loại nguyên liệu thuốc lá tại phân xưởng chế biến.

Tiền lương trả theo ngày hoặc lương khoán theo nhóm đã có tính thêm 30% bao gồm BHXH, nghỉ phép, thưởng,... để người lao động tự lo nên không có bảng lương ổn định theo tháng, theo năm, người lao động nhận lương thông qua tổ trưởng hoặc theo nhóm không có ký nhận. Hiện nay Công ty cũng không còn lưu giữ bản lương thể hiện mức lương nhận trong thời gian này nên không biết là bao nhiêu. Do trong thời gian làm công việc theo mùa vụ nên Công ty không có đóng BHXH, BHYT và bà cũng không có ý kiến thắc mắc khiếu nại gì.

Đến tháng 02/2000 Công ty ký kết HĐLĐ xác định thời hạn với bà Ân và đóng BHXH và BHYT đầy đủ theo quy định. Nay bà Ân khởi kiện, Công ty có ý kiến như sau:

1. Đối với yêu cầu trả lương ngừng việc:

Công ty cổ phần Hòa Việt là đơn vị thành viên của Tổng Công ty thuốc lá Nam - tiền thân của Công ty nguyên liệu thuốc lá miền Nam, thuộc doanh nghiệp

Nhà nước được cổ phần hóa năm 2005, nhưng vốn nhà nước vẫn chiếm phần lớn. Đặc thù hoạt động của Công ty chủ yếu là trồng, thu hoạch, sơ chế thuốc lá, vụ mùa bắt đầu từ tháng 10 năm trước đến tháng 3 năm sau mới có thu hoạch, sản xuất kinh doanh của Công ty mang tính thời vụ. Vì vậy, trong năm có nhiều đợt không có nguyên liệu sản xuất nên phải cho công nhân nghỉ hưởng lương ngừng việc.

Trong những năm qua do tác động của thị trường nguyên liệu thuốc lá trong nước và ngoài nước có sự cạnh tranh gay gắt nên tình hình tiêu thụ nguyên liệu thuốc lá khó khăn ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu của Công ty. Mặt khác do ảnh hưởng tình hình thời tiết thiên tai dịch bệnh diễn biến phức tạp, Luật phòng chống tác hại thuốc lá cũng ảnh hưởng đến tâm lý của người tiêu dùng, do đó quy mô đầu tư vùng nguyên liệu thuốc lá của Công ty ngày càng thu hẹp cụ thể:

- Năm 2014: Chấm dứt hoạt động 4 chi nhánh nguyên liệu tại: tỉnh BD, tỉnh PY, LA, KH (có kèm theo Thông báo của Phòng ĐKKD Sở KHĐT).

- Năm 2015: Chấm dứt hoạt động 2 chi nhánh nguyên liệu tại tỉnh Bình Thuận, tỉnh Ang Giang (có kèm theo Thông báo của Phòng ĐKKD Sở KHĐT tỉnh).

- Năm 2017: Chấm dứt hoạt động 2 chi nhánh nguyên liệu tại: Tỉnh BRVT, Thị Xã LK ĐN (có kèm theo Thông báo của Phòng ĐKKD Sở KHĐT tỉnh).

Tính đến nay Công ty đã giải thể 8 chi nhánh trồng nguyên liệu trong tỉnh và ngoài tỉnh nên Công ty thường xuyên thiếu nguyên liệu sản xuất, mặc dù Công ty gặp khó khăn về kinh tế và thu hẹp quy mô sản xuất, doanh số hàng năm phải giảm nhiều nhưng Công ty vẫn cố gắng duy trì số lượng lao động. Trong thời gian ngừng việc Công ty vẫn thực hiện việc đúng quy định của BLLĐ để giảm bớt khó khăn cho người lao động và cũng động viên người lao động cố gắng chia sẻ một phần khó khăn của Công ty. Theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty ban hành ngày 26/4/2016 – 2018 Phụ lục Thỏa ước lao động tập thể năm 2016 – 2018 tiền lương trả cho người lao động được thực hiện theo Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Công ty.

Căn cứ Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành BLLĐ về tiền lương, Năm 2016 Công ty đã tiến hành xây dựng Hệ thống thang lương, bảng lương và Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Công ty trên cơ sở kết quả tiến hành tham khảo ý kiến đóng góp của toàn thể đơn vị trực thuộc, tổ chức đại diện tập thể lao động Công ty theo đúng quy định tại Điều 93 BLLĐ, trong quá trình xây dựng hệ thống thang lương bảng lương, tổ chức thương lượng tập thể tại Hội Nghị người lao động thường niên (2016- 2017) để lấy ý kiến biểu quyết thông qua thang lương, bảng lương trước khi ký ban hành Quyết định số 19/CD-CPHV ngày 28/1/2016 V/v ban hành Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Công ty và Quyết định số 28/QĐ- CPHV về việc ban hành thang lương, bảng lương áp dụng từ ngày 1/1/2016. Ngày 2/2/2016 Phòng LĐ-TBXH của thành phố BH có văn bản số 140/LĐTBXH xác nhận việc việc đăng ký của Công ty.

Để triển khai thực hiện trong toàn thể công nhân lao động, Công ty đã giao cho các Xí nghiệp bộ phận niêm yết triển khai tới từng người lao động. Theo Điều 19 Quy chế tiền lương của Công ty quy định tiền lương ngừng việc của người lao động được tính theo công thức sau: Tiền lương ngừng việc = (Mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định chia cho số ngày làm việc tiêu chuẩn trong tháng), nhân với số ngày thực tế nghỉ.

Trong nhiều năm qua, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất, nhưng Công ty vẫn đảm bảo trả lương đầy đủ cho người lao động đúng quy định, trong đó lương ngừng việc của bà Ân năm 2016: 3.500.000 đồng/tháng; năm 2017: 3.750.000 đồng/tháng là đúng với Quy chế tiền lương của Công ty, vì Quy chế này có đăng ký với Phòng LĐTBXH thành phố BH và tại văn bản số 140/LĐTBXH ngày 2/2/2016 của Phòng LĐTBXH có ý kiến “Đề nghị đơn vị xây dựng Quy chế tiền lương để áp dụng trả lương cho người lao động theo hệ thống thang lương đã đăng ký”. Công ty đã triển khai đầy đủ nội dung Quy chế đến người lao động trước khi thực hiện như niêm yết công khai tại các xí nghiệp trực thuộc và Ban chấp hành Công Đoàn đã triển khai đến từng người lao động trong Công ty.

Tại Khoản 1 Điều 84 BLLĐ về thực hiện thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp ghi rõ: “Người sử dụng lao động, kể cả người lao động vào làm việc sau ngày thỏa ước lao động tập thể có hiệu lực có trách nhiệm thực hiện đầy đủ thỏa ước lao động tập thể”.

Tại khoản 4 Điều 3 BLLĐ nêu rõ: “Tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở là Ban chấp hành Công Đoàn cơ sở”.

Theo quy định tại Điều 10 Luật Công đoàn và Nghị định số 43/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Điều 10 của Luật Công đoàn về quyền, trách nhiệm của Công đoàn trong việc đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động thì công đoàn cơ sở có 10 nhóm quyền, trách nhiệm, trong đó có “Đại diện cho tập thể người lao động thương lượng, ký kết và giám sát việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể”.

Căn cứ các quy định nêu trên, Công ty đã trả lương ngừng việc cho bà theo mức lương tối thiểu vùng cho số ngày nghỉ ngừng việc trong năm 2016 và năm 2017 là đúng quy định vì đã được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể của Công ty và Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Công ty, các văn bản này được xây dựng, lấy ý kiến toàn thể người lao động và triển khai thực hiện theo đúng trình tự thủ tục của quy định pháp luật về lao động. Cụ thể trình tự ban hành được thực hiện từng bước như sau:

Dựa trên các căn cứ pháp luật và tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị, Công ty dự thảo Thỏa ước lao động tập thể và Quy chế tiền lương sau đó gửi đến các cơ sở sản xuất và bộ phận trực thuộc để lấy ý kiến đóng góp của từng người lao động, kết quả ý kiến đóng góp của người lao động được thể hiện qua các văn bản sau:

- Biên bản ngày 19/12/2015 của Phòng kỹ thuật đóng góp dự thảo Quy chế tiền lương;

- Văn bản ngày 17/12/2015 của Phòng kế hoạch đóng góp dự thảo Quy chế tiền lương;

- Văn bản ngày 17/12/2015 của Phòng KCS đóng góp dự thảo Quy chế tiền lương;

- Văn bản ngày 18/12/2015 của Phòng Bảo vệ đóng góp dự thảo Quy chế tiền lương;

Biên bản ngày 21/12/2015 của Xí nghiệp tách cọng đóng góp dự thảo Quy chế tiền lương;

- Biên bản ngày 18/12/2015 của Ban chấp hành Công đoàn đóng góp dự thảo Quy chế tiền lương;

- Biên bản ngày 29/12/2015 của Hội đồng tiền lương thông qua bản tổng hợp ý kiến dự thảo Quy chế tiền lương của toàn thể người lao động Công ty;

Nhìn chung qua nội dung ý kiến đóng góp của người lao động không có ý kiến nào phản đối hay thắc mắc gì về mức lương tối thiểu vùng trong dự thảo Quy chế tiền lương.

Trong hợp đồng lao động giữa bà Ân và Công ty cũng có thỏa thuận tiền lương trả cho người lao động theo Quy chế tiền lương của Công ty.

Do đó nguyên đơn khởi kiện đòi Công ty trả bổ sung lương ngừng việc năm 2016 và năm 2017 với số tiền 4.154.000đ đồng là không có cơ sở.

Ngoài ra tại văn bản ý kiến ngày 11/11/2019 đại diện theo ủy quyền của Công ty cho rằng việc bà Ân yêu cầu trả lương ngừng việc năm 2016 và năm 2017 là đã hết thời hiệu khởi kiện.

2. Đối với yêu cầu truy đóng BHXH:

Như đã trình bày ở trên, thời gian bà Ân ký kết HĐLĐ làm việc tại Công ty từ tháng 02/2000 và Công ty đã đóng BHXH đầy đủ, thời gian từ tháng 1995 – tháng 01/2000 bà làm công việc theo thời vụ, không ký HĐLĐ nên dựa trên các căn cứ sau đây không thuộc trường hợp đóng BHXH:

Trong thời gian từ năm 2007 đến năm 2011 mặc dù tại Công ty không có đơn khiếu nại hay khởi kiện về truy thu BHXH cho những người lao động thời vụ từ năm 2004 trở về trước không có đóng bảo hiểm xã hội nhưng để đảm bảo quyền lợi cho những người lao động về sau thì Công ty cũng đã rà soát và có nhiều văn bản gửi đến các cơ quan chức năng như Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở lao động – Thương binh và xã hội tỉnh, tổng Công ty bảo hiểm để xin truy nộp bổ sung BHXH nhưng không thể thực hiện được do thời điểm này Công ty không có đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu của Công ty BHXH tỉnh ĐN, cụ thể:

Tại Biên bản làm việc ngày 2/6/2011 giữa Công ty BHXH tỉnh ĐN và Công ty CP Hòa Việt, để có cơ sở truy thu BHXH cho các lao động làm việc tại

Công ty chưa đóng BHXH từ năm 1989 đến 2004 Công ty phải cung cấp các hồ sơ sau đây:

- Danh sách lao động và bảng thanh toán tiền lương, tiền công liên quan đến quá trình truy đóng của người lao động;
- Các Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc, các quyết định lương, bảng thanh toán tiền lương, tiền công và các hồ sơ khác có liên quan đến thời gian truy đóng của người lao động
- Quyết định xử phạt hành vi hành vi phạm về đóng BHXH của thanh tra Sở Lao động TB & XH.

Với yêu cầu điều kiện như trên của BHXH tỉnh thì phía Công ty không đáp ứng được do những lao động trong thời gian này chỉ là lao động thời vụ thời hạn dưới 3 tháng nên Công ty không ký hợp đồng lao động chỉ giao kết bằng miệng, lương tiền công theo ngày hoặc lương khoán đã có tính thêm 30% bao gồm BHXH, nghỉ phép, thưởng,... để người lao động tự lo nên không có bảng lương ổn định theo tháng, theo năm.

Ngày 18/11/2010 Công ty cũng có văn bản số 358/CPHV-TCHC gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh nêu ý kiến đối với yêu cầu điều kiện của BHXH tỉnh Công ty không đáp ứng được để truy thu đóng BHXH cho các trường hợp lao động nêu trên và xin ý kiến hướng dẫn của Sở.

Ngày 13/12/2010 Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh có công văn số 1774/LĐTBXH –CSLĐ phúc đáp cho Công ty có nội dung như:

“Căn cứ quy định tại Điều 28 BLLĐ ...đối với một số công việc có tính chất tạm thời mà thời hạn dưới 3 tháng hoặc đối với lao động giúp việc gia đình thì các bên có thể giao kết bằng miệng...”

Căn cứ quy định tại Điều 1, sửa đổi khoản 2, mục II, thông tư số 21/2003/TT –BLĐTBXH có quy định: Hợp đồng lao động giao kết với người hưởng lương hưu hàng tháng và làm việc có thời gian dưới 3 tháng thì ngoài phần tiền lương công việc, người lao động còn được người sử dụng lao động thanh toán tiền theo tỷ lệ % so với tiền lương theo hợp đồng lao động gồm: BHXH, BHYT, Nghỉ phép năm...”

Căn cứ các văn bản pháp luật về lao động như Pháp lệnh Hợp đồng lao động, ngày 30/8/1990 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 165/HĐBT ngày 12/5/1992 của Hội đồng Bộ trưởng về Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh hợp đồng lao động, Bộ luật lao động năm 1994 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đối với những trường hợp lao động thời vụ từ năm 2004 trở về trước Công ty chỉ giao kết hợp đồng bằng miệng là đúng.

Thông tư 06/TT-BLĐTBXH ngày 4/4/1995 của Bộ lao động - Thương binh và xã hội hướng dẫn thi hành một số điều Điều lệ BHXH ban hành kèm theo nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ tại điểm A quy định “ Các đối tượng quy định tại Điều 3 của Điều lệ Bảo hiểm xã hội nếu làm hợp đồng theo

mùa vụ hoặc một công việc nhất định mà thời hạn dưới 3 tháng thì không thuộc diện bắt buộc áp dụng Điều lệ Bảo hiểm xã hội”.

Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở. Kính đề nghị tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại đơn đề nghị ngày 11/11/2019 đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện BHXH của bà A do hết thời hiệu khởi kiện.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh ĐN do bà Đinh Thị Phương H đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Bà Nguyễn Thị Thiên A có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) từ tháng 02/2000 đến tháng 04/2019 là 19 năm 03 tháng và tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) từ tháng 01/2009 đến tháng 04/2019 là 10 năm 04 tháng tại Công ty cổ phần HV (tên gọi cũ là Công ty nguyên liệu thuốc lá nam).

Về yêu cầu của bà A đối với Công ty cổ phần HV phải truy đóng BHXH cho bà từ tháng 10/1995 đến hết tháng 01/2000, BHXH tỉnh ĐN có ý kiến như sau:

Để bà A được truy đóng BHXH từ tháng 10/1995 đến tháng 01/2000 (04 năm 04 tháng), BHXH tỉnh đề nghị Công ty cổ phần HV lập hồ sơ truy đóng BHXH cho bà A theo quy định gửi BHXH tỉnh, trong đó các loại giấy tờ làm căn cứ lập danh sách truy thu BHXH quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc BHXH Việt Nam ban hành quy trình thu BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN); quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT gồm: Đối với người lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước: Nếu người lao động là cán bộ công nhân viên (bao gồm cả người quản lý doanh nghiệp) thì giấy tờ, hồ sơ xác định đối tượng là: quyết định bổ nhiệm (người quản lý Doanh nghiệp), tuyển dụng, xếp lương (viên chức chuyên môn nghiệp vụ, thừa hành và công nhân). Nếu người lao động theo hợp đồng lao động thì giấy tờ, hồ sơ xác định đối tượng là: Hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên. Bảng thanh toán tiền lương (hoặc bảng kê tiền lương, tiền công nếu trả qua ATM) tương ứng thời gian truy thu.

Loại khác: Văn bản giải trình, thuyết minh..., giấy tờ liên quan đến khoản sản phẩm, khoản công việc... (nếu có).

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, đề nghị Công ty cổ phần HV và bà Nguyễn Thị Thiên A phối hợp lập hồ sơ theo quy định để BHXH tỉnh có căn cứ truy thu và điều chỉnh sổ BHXH cho bà A

Lãi chậm đóng được tính đến thời điểm Công ty cổ phần HV thiết lập được hồ sơ truy thu trên số tiền BHXH chưa đóng tương ứng thời gian truy thu và Công ty cổ phần HV phải đóng số tiền lãi truy thu.

Ngoài ra Bảo hiểm xã hội tỉnh ĐN không có ý kiến gì khác.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 24/2019/LĐ-ST ngày 22/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố BH đã tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thiên A về việc “Tranh chấp tiền lương ngừng việc” với Công ty cổ phần HV.

Buộc Công ty cổ phần HV phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thiên A tiền chênh lệch tiền lương ngừng việc còn thiếu là:

Tiền lương ngừng việc (15 ngày) năm 2016: 1.511.000đ;

Tiền lương ngừng việc (29 ngày) năm 2017: 2.643.000đ.

Tổng cộng số tiền: 4.154.000 đ (Bốn triệu một trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

-Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thiên A về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội” đối với Công ty cổ phần HV.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 16/12/2019, bị đơn Công ty cổ phần HV (do bà Nguyễn Thị A đại diện theo ủy quyền) có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng, bác khởi kiện của nguyên đơn về tiền lương ngừng việc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

Công ty HV cho rằng năm 2016, 2017 Công ty gặp khó khăn về kinh tế dẫn đến việc công ty phải cho một số người lao động nghỉ việc. Công ty khẳng định việc trả tiền lương ngừng việc cho người lao động theo mức lương tối thiểu vùng thông qua Quy chế phân phối tiền lương đã được triển khai nội dung Quy chế đầy đủ đến người lao động thông qua ban chấp hành công đoàn cơ sở trước khi thực hiện việc niêm yết công khai. Bản thân bà A và Công ty thống nhất với nhau về số ngày người lao động ngừng việc, chỉ tranh chấp về mức tiền thanh toán.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Bộ luật lao động 2012 thì tiền lương ngừng việc được người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận nhưng không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định. Công ty HV chưa chứng minh đã thỏa thuận mức lương ngừng việc vì lý do kinh tế đối với bà A mà áp dụng mức lương ngừng việc bằng với mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định từng năm; cụ thể: năm 2016 là 3.500.000đ/tháng, năm 2017 là 3.750.000đ/tháng là trái với quy định tại Khoản 36 Điều 98 BLLĐ.

Mặt khác, Công ty HV không có chứng cứ chứng minh tình hình sản xuất kinh doanh gặp khó khăn vì những lý do kinh tế ảnh hưởng đến hoạt động của công ty. (quyết định số 336/QĐ-TTr, ngày 01/9/2017 của Thanh tra Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh ĐN). Tại kết luận số 490/KL-TTr ngày 30/11/2017 của Thanh tra Bộ lao động Thương binh xã hội có kiến nghị Công ty thực hiện thỏa

thuận với người lao động về lương ngừng việc.

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thiên Â, buộc Công ty cổ phần HV phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thiên Â số tiền lương ngừng việc là 4.154.000 đồng là có căn cứ pháp luật. Kháng cáo của công ty cổ phần HV không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị bác kháng cáo của Công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty HV làm trong hạn luật định, đã đóng tạm ứng án phí, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và Bảo hiểm xã hội ĐN có đơn xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung: Công ty cổ phần HV kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lương ngừng việc.

Theo hồ sơ thể hiện, các đương sự thống nhất số ngày cho bà Â ngừng việc, chỉ tranh chấp về số tiền thanh toán khi ngừng việc. Theo bà Â, Công ty cho bà ngừng việc thì phải thanh toán đầy đủ lương theo quy định, còn Công ty cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh gặp khó khăn vì những lý do kinh tế ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nên Công ty cho người lao động ngừng việc và đã thanh toán tiền lương ngừng việc theo mức lương tối thiểu vùng là đúng với Thỏa ước lao động tập thể và Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Công ty.

Xét trình bày của Công ty không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Bộ luật lao động 2012 thì tiền lương ngừng việc được người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận nhưng không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định. Công ty HV chưa chứng minh đã thỏa thuận mức lương ngừng việc vì lý do kinh tế đối với bà Â mà đã áp dụng mức lương ngừng việc bằng với mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định từng năm; cụ thể: năm 2016 là 3.500.000đ/tháng, năm 2017 là 3.750.000đ/tháng là trái với quy định tại Khoản 3 Điều 98 Bộ luật lao động. Mặt khác, theo quyết định số 336/QĐ-TTr, ngày 01/9/2017 của Thanh tra Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh ĐN và Kết luận số 490/KL-TTr ngày 30/11/2017 của Thanh tra Bộ lao động Thương binh xã hội cũng đã có kiến nghị Công ty thực hiện thỏa thuận với người lao động về lương ngừng việc, nhưng hồ sơ không thể hiện có việc thỏa thuận này.

Như vậy, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thiên Â, buộc công ty cổ phần HV phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thiên Â số tiền lương ngừng việc là 4.154.000 đồng là có căn cứ pháp luật. Tại cấp phúc

thẩm, Công ty HV không cung cấp được chứng cứ mới, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty.

[3]. Về án phí: Công ty cổ phần HV phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Bác kháng cáo của Công ty cổ phần HV, giữ y bản án lao động sơ thẩm số 24/2019/LĐ-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BH.

Căn cứ Điều 27, Điều 28, Điều 140, Điều 141 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 86, khoản 1 Điều 98, Điều 200, Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012; Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết Bộ luật Lao động về tiền lương; Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động 2012; Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ; Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thiên Ân về việc “Tranh chấp tiền lương ngừng việc” với Công ty cổ phần HV.

Buộc Công ty cổ phần HV phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thiên Ân tiền lương ngừng việc còn thiếu của năm 2016, 2017 là 4.154.000 đồng (bốn triệu một trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thiên Ân về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội” đối với Công ty cổ phần HV.

3. Về án phí: Công ty cổ phần HV phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí lao động sơ thẩm và 300.000đ án phí lao động phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm Công ty cổ phần HV đã nộp theo biên lai thu số 0007521 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH được trừ vào án phí dân sự phúc thẩm Công ty phải chịu. Công ty cổ phần HV còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐN;
- TAND TP. BH;
- Chi cục THADS TP. BH;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn quý

Trần Vĩnh Yên

Vũ Thị Thu

